

Bản án số: 48/2024/HNGĐ - ST.

Ngày: 16/8/2024.

V/v Ly hôn, Tranh chấp về nuôi  
con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B – TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lường Văn Lương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nông Trung Kiên;

2. Ông Lò Văn Sung.

**- Thư ký phiên tòa:** Lò Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 16/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2024/TLST – HNGĐ ngày 03/06/2024 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXX - ST ngày 22/7/2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nạ Thị B – Sinh năm 1986 "vắng mặt".

Trú tại: Bản P B, xã P T, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

**2. Bị đơn:** Anh Lò Văn B, sinh năm 1987 “vắng mặt”.

NĐKHKT: Bản P B, xã P T, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

Hiện nay: Đang chấp hành án tại đội 07, phân trại 05, trại giam Thanh Phong, Cục C10 Bộ Công an.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn đề ngày 28/5/2024 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, chị Nạ Thị B (nguyên đơn) trình bày:*

1. *Về hôn nhân:* Tôi và anh Băn sống như vợ chồng từ tháng 12 năm 2008, nhưng đến ngày 27/12/2010 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P T, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc đến tháng 5 năm 2016 anh Băn nghiện ma túy, hay trộm cắp tài sản của vợ nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 6 năm 2023 thì chồng tôi vi phạm pháp luật về tội liên quan đến chất ma túy và bị Tòa án xét xử. Hiện nay đang chấp hành án tại đội 07, phân trại 05, trại giam Thanh Phong, Cục C10 Bộ Công an. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi làm đơn này xin đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Băn.

2. *Về con chung:*

Chị Bua khai vợ chồng có 01 con chung là Lò Khánh Duy, sinh ngày 12/8/2010.

Chị Bua có nguyện vọng là muốn được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Duy là muốn được ở cùng với mẹ.

### *3. Về tài sản:*

Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

*Tại bản tự khai ngày 19/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án anh Lò Văn B (bị đơn) trình bày:*

*1. Về hôn nhân:* Tôi và cô Bua lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P T, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Chúng tôi kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống hai vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2015 tôi vi phạm pháp luật và bị xử phạt mức án 15 tháng tù. Năm 2023 tôi lại vi phạm pháp luật và bị Tòa án xét xử, nay cô Bua làm đơn xin ly hôn, tôi cũng đồng ý ly hôn.

*2. Về con chung:* Anh Băn công nhận vợ chồng có 01 con chung là Lò Khánh Duy, sinh ngày 12/8/2010 và đồng ý cho chị Bua chăm sóc, giáo dục.

*Về tài sản:* Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương, tài sản chung: Không có.

Án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147/BLTTDS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Bua thuộc dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Bua đã có đơn xin miễn án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét xử tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về quan hệ pháp luật:**

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Nạ Thị B, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Chị Bua xin ly hôn với anh Băn, anh Băn có hộ khẩu thường trú tại xã P T, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

**[3]. Về điều luật áp dụng:** Chị Bua và anh Băn kết hôn năm 2010, đến năm 2024 thì chị Bua khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

**[4]. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Bua và anh Băn lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do anh Băn vi phạm pháp luật và đang chấp hành án, chị Bua thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đã làm đơn xin ly hôn, anh Băn cũng đồng ý ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[5]. Về con chung:** Hai vợ chồng có 01 con chung là Lò Khánh Duy, sinh ngày 12/8/2010. Chị Bua có nguyện vọng là muốn được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Duy cũng có nguyện vọng được ở cùng với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Bua và giao con chung cho chị Bua chăm sóc và giáo dục.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Hội đồng xét xử không xem xét.

**[6]. Về tài sản:**

[6.1]. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

[6.2]. Tài sản chung, diện tích ruộng, nương: Không có.

**[7]. Về án phí:** Căn cứ Khoản 1 Điều 147/BLTTDS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Bua thuộc dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

**[8]. Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa:** Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, vì các lý do khác nhau nên nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 228/BLTTDS và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS;

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

**1. Tuyên xử:** Cho chị Nạ Thị B được ly hôn với anh Lò Văn B.

**2. Về con chung:** Chấp nhận yêu cầu của chị Bua và giao con chung là Lò Khánh Duy, sinh ngày 12/8/2010 cho chị Bua trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác.

Chấp nhận yêu cầu của chị Bua về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

**3. Về Tài sản:** Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về án phí:** Căn cứ Khoản 1 Điều 147/BLTTDS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Bua thuộc dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 271, Khoản 1 Điều 273/BLTTDS; Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã P T, H ĐB;
- Lưu,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Văn Lương**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nông Trung Kiên

Lường Văn Lương

Lò Văn Sung